TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22 /2022/QĐST-DS	*Lạng Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Bà Ngô Thị Mai

Áp dụng Điều 158; Điều 166; Điều 455; Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 170; Điều 195 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2021/TLST-DSTC ngày 10/11//2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ch đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Về việc trả lại cho nhau diện tích đất đã đổi năm 2020, trả lại số tiền 15.000.000đồng chị Y nhận khi đổi đất, thanh toán giá trị tài sản gia đình chị đã trồng và xây dựng trên phần đất chị nhận đổi của ông T, tiền chi phí tố tụng và án phí, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Chị Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn T, Bà Nhữ Thị C , Chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Văn T, anh Trần Văn Kh đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, các đương sự thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận thoả thuận như sau:

1. Về diện tích đất đã đổi năm 2020: Ông Nguyễn Văn T, ông Trần Văn Tuyên và bà Nguyễn Thị Ch đồng ý trả lại diện tích đã đổi cho nhau vào năm 2020.

2. Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Y đồng ý thanh toán giá trị tài sản trên diện tích đất mà ông T , bà Ch đã trồng và xây dựng năm 2012. (Lúc đó anh T có đồng ý đổi đất bằng miệng cho ông T n, bà Ch). Do hiện nay anh T, chị Y là người đang ở trên đất của ông T, ông T cũng đồng ý anhT, chị Y thanh toán tiền cho ông T , bà Ch. Bà Ch đồng ý nhận tiền giá trị tài sản do anhT chị Y trả.

3. Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Y đồng ý thanh toán cho ông T, bà Ch số tiền gốc và lãi đã nhận 15.000.000đồng khi đổi đất năm 2020.

4. Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Y đồng ý chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định đo đạc, định giá.

5. Về án phí: các đương sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Ông Trần Văn T n, sinh năm 1976

Địa chỉ: TDP Đ, Thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

Uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1977

Địa chỉ: TDP Đ, Thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: TDP Đ, Thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nhữ Thị Cần, sinh năm 1964

Địa chỉ: TDP Đ, Thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1977

Địa chỉ: TDP Đ, Thị trấn K, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 1982

4. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: TDP Đ3, Thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Trần Văn Kh sinh năm 1986.

Địa chỉ: TDP Đ, Thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang.

6. Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang do ông Lương Văn B – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C đại diện theo ủy quyền.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ch diện tích đất 326,2m2, tại và thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 269, tờ bản đồ số 11, có các cạnh: MN = 12,5m; NG = 17,9m; GH = 14,5m; HP = 17,4m; PK = 6,5m; KL = 10m; LM = 6,2m, tại địa chỉ: TDP Đ, thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang. (có sơ đồ kèm theo).

- Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Ch trả lại đất đã đổi cho ông Nguyễn Văn T diện tích 278,2m2, tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 11,có các cạnh: AB = 13,5m; BC = 9,3m; CD = 8,4m; DE = 10,6m; EG = 12,7m; GA = 15,7m; BE = 11m, tại địa chỉ: TDP Đ, thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có các tài sản: Tường cay bên tông diện tích 45,36m2; Hàng rào sắt B40 diện tích 11m2; Trụ tường và trụ cổng xây bê tông 1,484m3; Cổng bê tông 3,21m2 trị giá 1.849.000 đồng; Cánh cổng sắt; 03 cây nhãn đường kính tán 2-3 m, 01 cây mít đường kính gốc 1-1,5cm; 01 cây mít đường kính gốc 3-7cm; 01 cây móc mật. Ông T được sử dụng các tài sản trên đất ông T , bà Ch trả, (có sơ đồ kèm theo).

Ông Trần Văn T , bà Nguyễn Thị Ch được nhận 12.954.000đồng giá trị tài sản của anh T, chị Y.

2.2. Chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Văn T trả ông Trần Văn T , bà Nguyễn Thị Ch số tiền 18.286.000đồng (mười tám triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng), trong đó tiền gốc 15.000.000đồng, tiền lãi 3.286.000đồng.

Chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Văn T trả ông Trần Văn T , bà Nguyễn Thị Ch số tiền giá trị tài sản trên diện tích đất đã đổi 278,2m2 là 12.954.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Về chi phí tố tụng: Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Y nhận chịu cả 24.000.000đồng chi phí tố tụng. Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Trần Văn T , bà Nguyễn Thị Ch số tiền 24.000.000đồng chi phí tố tụng ông bà đã nộp.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Văn T phải chịu số tiền 1.561.000 đồng án phí DSST.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Trần Văn T số tiền 4.375.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012525 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

2.5 Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hà